# sở GDĐT Bình Phước (Lần 1)

**⇒ Mã đề: 119**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **41A** | **42D** | **43A** | **44A** | **45C** | **46D** | **47B** | **48B** | **49B** | **50A** |
| **51B** | **52C** | **53C** | **54A** | **55A** | **56A** | **57B** | **58B** | **59D** | **60C** |
| **61C** | **62B** | **63A** | **64C** | **65C** | **66C** | **67C** | **68C** | **69A** | **70B** |
| **71A** | **72D** | **73D** | **74A** | **75B** | **76D** | **77D** | **78D** | **79B** | **80D** |

**Câu 41:** Polime nào sau đây có cấu trúc mạch phân nhánh?

A. Amilopectin.       B. Poli(vinyl clorua).       C. Amilozơ.         D. Polietilen.

**Câu 42:** Amin có tính bazơ do nguyên nhân nào sau đây?

A. Amin tan nhiều trong nước.

B. Phân tử amin có liên kết hiđro với nước.

C. Có nguyên tử N trong nhóm chức.

D. Nguyên tử N còn có cặp electron tự do có thể nhận proton.

**Câu 43:** Khi đun nóng chất X có công thức phân tử C3H6O2 với dung dịch NaOH thu được CH3COONa. Công thức cấu tạo của X là

A. CH3COOCH3.       B. C2H5COOH.       C. CH3COOC2H5.       D. HCOOC2H5.

**Câu 44:** Những tính chất vật lí chung của kim loại là

A. Tính dẻo, tính dẫn điện, dẫn nhiệt và có ánh kim.

B. Tính dẻo, có ánh kim và rất cứng.

C. Tính dẫn điện, dẫn nhiệt, có ánh kim, có khối lượng riêng lớn.

D. Tính dẻo, tính dẫn điện, nhiệt độ nóng chảy cao.

**Câu 45:** Crom (VI) oxit có công thức hoá học là

A. Cr2O3.       B. K2CrO4.       C. CrO3.       D. Cr(OH)3.

**Câu 46:** Nước thải công nghiệp thường chứa các ion kim loại nặng như Hg2+; Pb2+; Fe3+; … Để xử lí sơ bộ và làm giảm nồng độ các ion kim loại nặng với chi phí thấp, người ta sử dụng chất nào sau đây?

A. NaCl.       B. KOH.       C. HCl.       D. Ca(OH)2.

**Câu 47:** “Nước đá khô” không nóng chảy mà thăng hoa nên được dùng tạo môi trường lạnh và khô rất tiện cho việc bảo quản thực phẩm. Nước đá khô là

A. SO2 rắn.       B. CO2 rắn.       C. CO rắn.       D. H2O rắn.

**Câu 48:** Dãy các kim loại đều có thể được điều chế bằng phương pháp điện phân dung dịch muối của chúng là

A. Al; Fe; Cr.       B. Fe; Cu; Ag.       C. Mg; Zn; Cu.       D. Ba; Ag; Au.

**Câu 49:** Cho dãy các kim loại: Ca; Cu; Fe; K. Số kim loại trong dãy tác dụng với H2O tạo dung dịch kiềm là

A. 1.       B. 2.       C. 3.       D. 4.

**Câu 50:** Thành phần chính của phân supephotphat kép là

A. Ca(H2PO4)2.       B. Ca3(PO4)2.       C. CaSO4.       D. Ca(H2PO4)2 và CaSO4.

**Câu 51:** Cho hỗn hợp X gồm Fe2O3; ZnO; Cu tác dụng với dung dịch HCl (dư) thu được dung dịch Y và phần không tan Z. Thành phần các chất tan có trong Y là

A. FeCl2; ZnCl2; HCl dư.       B. FeCl2; CuCl2; ZnCl2; HCl dư.

C. FeCl3; FeCl2; ZnCl2; HCl dư.       D. FeCl3; ZnCl2; CuCl2; HCl dư.

**Câu 52:** Khí H2 là nhiên liệu sạch, không gây ô nhiễm môi trường bởi vì khi cháy

A. tạo ra khói.       B. tạo ra khí CO2.

C. chỉ tạo ra nước.       D. có ngọn lửa màu vàng.

**Câu 53:** Nung hoàn toàn Fe(OH)3 ở nhiệt độ cao, thu được chất rắn X. Chất rắn X là

A. Fe3O4.       B. FeO.       C. Fe2O3.       D. Fe(OH)2.

**Câu 54:** Trong phân tử amino axit nào sau đây có số nhóm –NH2 nhiều hơn số nhóm –COOH?

A. Lysin.       B. Glyxin.       C. Axit glutamic.       D. Alanin.

**Câu 55:** Glucozơ là một hợp chất

A. monosaccarit.       B. đa chức.       C. polisaccarit.       D. đisaccarit.

**Câu 56:** Ở trạng thái cơ bản, cấu hình electron ứng với lớp ngoài cùng nào sau đây là của nguyên tố kim loại?

A. 3s1.       B. 4s2 4p5.       C. 2s2 2p6.       D. 3s2 3p3.

**Câu 57:** Hematit đỏ là loại quặng sắt có trong tự nhiên với thành phần chính là

A. FeS2.       B. Fe2O3.       C. Fe3O4.       D. FeCO3.

**Câu 58:** Chất tham gia phản ứng thuỷ phân tạo glixerol là

A. saccarozơ.       B. chất béo.       C. protein.       D. tinh bột.

**Câu 59:** Cho phản ứng sau: 2Al + 2NaOH + 2H2O → 2NaAlO2 + 3H2. Phát biểu đúng là

A. NaOH là chất oxi hoá.       B. H2O là chất môi trường.

C. Al là chất oxi hoá.       D. H2O là chất oxi hoá.

**Câu 60:** Dãy chất nào sau đây sắp xếp các kim loại theo thứ tự tính khử tăng dần?

A. Pb; Ni; Sn; Zn.       B. Ni; Sn; Zn; Pb.       C. Pb; Sn; Ni; Zn.       D. Ni; Zn; Pb; Sn.

**Câu 61:** Cho anilin tác dụng vừa đủ với 200ml dung dịch Br2 1,5M, thu được x gam kết tủa. Giá trị của x là

A. 99,9.       B. 99,0.       C. 33,0.       D. 33,3.

**Câu 62:** Dẫn khí CO dư qua hỗn hợp bột gồm MgO; CuO; Al2O3 và Fe3O4, nung nóng. Sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được hỗn hợp rắn Y. Số oxit kim loại có trong Y là

A. 1.       B. 2.       C. 4.       D. 3.

**Câu 63:** Cho lên men 45 gam glucozơ để điều chế ancol etylic, hiệu suất phản ứng 80%, thu được V lít CO2 (đktc). Giá trị của V là

A. 8,96.       B. 5,60.       C. 4,48.       D. 11,2.

**Câu 64:** Đun nóng V lít (đktc) hỗn hợp X gồm etilen, vinylaxetilen và hiđro (theo tỉ lệ mol tương ứng 1 : 1 : 3) với xúc tác Ni một thời gian, thu được hỗn hợp Y có tỉ khối so với hiđro bằng 10,75. Cho toàn bộ Y vào dung dịch brom dư thấy có tối đa 0,3 mol brom phản ứng. Giá trị của V là

A. 33,6.       B. 22,4.       C. 11,2.       D. 44,8.

**Câu 65:** Phát biểu nào sau đây là đúng?

A. Tơ axetat và tơ visco đều là tơ tổng hợp.

B. Trùng ngưng acrilonitrin thu được tơ nitron.

C. Tơ được phân thành tơ tự nhiên và tơ hoá học.

D. Amilopectin có cấu trúc mạch không phân nhánh.

**Câu 66:** Cho các phát biểu sau:
(a) Nhôm có thể dát mỏng và được dùng làm giấy gói kẹo,…
(b) Thạch cao nung được dùng để đúc tượng, bó bột khi gãy xương.
(c) Nhiệt phân Na2CO3 ở nhiệt độ cao, thu được natri oxit và khí cacbonic.
(d) Để làm sạch cặn trong các dụng cụ đun và chứa nước nóng, người ta dùng giấm ăn.
(e) Để dây thép ngoài không khí ẩm, sau một thời gian thấy dây thép bị ăn mòn điện hoá.
Số phát biểu đúng là

A. 1.       B. 3.       C. 4.       D. 2.

**Câu 67:** Cho amino axit X (H2N-R-COOH) tác dụng vừa đủ với 100 ml dung dịch KOH 1M, sau phản ứng thu được dung dịch chứa 11,3 gam muối. Số nguyên tử hidro có trong X là

A. 9.       B. 11.       C. 5.       D. 7.

**Câu 68:** Khi cho propilen tác dụng với HBr, theo quy tắc Maccopnhicop sản phẩm nào sau đây là sản phẩm chính?

A. CH3-CHBr-CH2Br.       B. CH3-CH2-CH2Br.       C. CH3-CHBr-CH3.       D. Br-CH2-CH2-CH2Br.

**Câu 69:**Cho m gam hỗn hợp X gồm FeO, Fe2O3 và Fe3O4 tác dụng vừa đủ với dung dịch H2SO4 loãng dư thu được dung dịch B. Cô cạn dung dịch B được 90,4 gam muối khan. Nếu cho dung dịch B tác dụng với Cl2 dư thì được 97,5 gam muối khan. Giá trị của m là

A. 38,4.       B. 39,2.       C. 46,4.       D. 23,2.

**Câu 70:** Đốt cháy hoàn toàn m gam FeS2 trong oxi lấy dư, sau khi phản ứng kết thúc thu được khí X, dẫn khí X qua dung dịch brom (lượng vừa đủ phản ứng) thu được dung dịch Y. Toàn bộ dung dịch Y được trung hoà bởi 400 ml dung dịch NaOH (pH = 13). Giá trị của m là

A. 1,2.       B. 0,6.       C. 2,4.       D. 1,6.

**Câu 71:** Cho 1,6 gam Fe2O3 tác dụng vừa đủ với V ml dung dịch HCl 0,3M loãng. Giá trị của V là

A. 200.       B. 400.       C. 300.       D. 100.

**Câu 72:** Cho các chất sau: C2H6 (1); CH2=CH2 (2); NH2-CH2-COOH (3); C6H5CH=CH2 (4); C6H6 (5); CH2=CH-Cl (6). Chất có thể tham gia phản ứng trùng hợp tạo polime là

A. (4); (5); (6).       B. (3); (4); (5).       C. (1); (2); (3).       D. (2); (4); (6).

**Câu 73:** Cho hỗn hợp X gồm FexOy; Fe; MgO; Mg. Cho m gam hỗn hợp X trên tác dụng với dung dịch HNO3 dư thu được 1,792 lít hỗn hợp khí N2O và NO (đktc) có tỉ khối so với H2 là 18,5 và dung dịch Y. Cô cạn dung dịch Y thu được 45,24 gam muối khan. Cho m gam hỗn hợp X tác dụng với dung dịch H2SO4 đặc nóng dư thu được 5,824 lít khí SO2 (đktc, sản phẩm khử duy nhất) và dung dịch Z. Cô cạn dung dịch Z thu được 36,6 gam muối khan. Giá trị gần nhất của m là

A. 11,0.       B. 11,05.       C. 12,5.       D. 10,05.

**Câu 74:**Điều chế este CH3COOC2H5 trong phòng thí nghiệm được mô tả theo hình vẽ sau



Cho các phát biểu sau:
(a) Etyl axetat có nhiệt độ sôi thấp (77°C) nên dễ bị bay hơi khi đun nóng.
(b) H2SO4 đặc vừa làm chất xúc tác, vừa có tác dụng hút nước.
(c) Etyl axetat qua ống dẫn dưới dạng hơi nên cần làm lạnh bằng nước đá để ngưng tụ.
(d) Khi kết thúc thí nghiệm, cần tắt đèn cồn trước khi tháo ống dẫn hơi etyl axetat.
(e) Vai trò của đá bọt là để bảo vệ ống nghiệm không bị vỡ.
(g) Có thể thêm ít bột CaCO3 vào ống nghiệm thay cho đá bọt để tăng hiện tượng đối lưu.
Số nhận định đúng là

A. 4.       B. 3.       C. 2.       D. 5.

**Câu 75:** Điện phân dung dịch X gồm FeCl2 và NaCl (tỉ lệ mol tương ứng 1 : 2) với điện cực trơ màng ngăn xốp thu được dung dịch Y chứa hai chất tan, biết khối lượng dung dịch X lớn hơn khối lượng dung dịch Y là 3,0875 gam. Dung dịch Y hoà tan tối đa 0,405 gam Al. Mặt khác dung dịch X tác dụng với lượng dư dung dịch AgNO3 thu được m gam kết tủa. Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Giá trị của m là

A. 20,46.       B. 13,64.       C. 17,22.       D. 17,59.

**Câu 76:** Hợp chất hữu cơ X (C; H; O) không có phản ứng tráng gương, trong X số nguyên tử cacbon bằng số nguyên tử hiđro. X; Y; Q tham gia phản ứng theo đúng tỉ lệ mol như sơ đồ phản ứng sau:
X + 2NaOH → Y + Q + Z (1)
Y + HCl → Y1 + NaCl (2)
Q + HCl → Q1 + NaCl (3)
Trong đó: Y1; Z có cùng số nguyên tử hiđro; MX < 143; Z no, đơn chức. Phát biểu nào sau đây là đúng?

A. Z hoà tan Cu(OH)2 ở nhiệt độ thường.       B. X có đồng phân hình học cis – trans.

C. Y1 là hợp chất hữu cơ đa chức.       D. Q1 có khả năng làm mất màu dung dịch Br2.

**Câu 77:** Hỗn hợp A gồm ba este đơn chức X; Y; Z (MZ > MY > MX; Y chiếm 20% số mol trong A, Y hơn X một nguyên tử C). Hoá hơi 7,14 gam A thu được thể tích đúng bằng thể tích của 2,8 gam N2 trong cùng điều kiện. Mặt khác, cho 7,14 gam A tác dụng vừa đủ với 110 ml dung dịch NaOH 1M thu được dung dịch P chứa bốn muối. Cô cạn P thu được hỗn hợp muối khan Q. Phần trăm khối lượng muối của axit cacboxylic có phân tử khối lớn nhất trong Q gần nhất với giá trị nào sau đây?

A. 19,34%.       B. 16,79%.       C. 11,79%.       D. 10,86%.

**Câu 78:** Hỗn hợp X gồm axit oleic, axit stearic và triglixerit Y. Đốt cháy hoàn toàn m gam X, thu được 0,93 mol CO2 và 0,88 mol H2O. Mặt khác, m gam X tác dụng vừa đủ với 0,05 mol NaOH trong dung dịch, thu được glixerol và dung dịch chỉ chứa a gam hỗn hợp muối natri oleat và natri stearat. Giá trị của a là

A. 17,53.       B. 16,76.       C. 16,64.       D. 15,24.

**Câu 79:** Cho các mệnh đề sau:
(a) Thủy phân este trong môi trường kiềm được gọi là phản ứng xà phòng hóa.
(b) Trimetyl amin là một amin bậc ba.
(c) Có thể dùng Cu(OH)2 để phân biệt Ala-Ala và Ala-Ala-Ala.
(d) Tơ nilon-6,6 được điều chế từ phản ứng trùng hợp bởi hexametylenđiamin và axit ađipic.
(e) Chất béo lỏng khó bị oxi hóa bởi oxi không khí hơn chất béo rắn.
(f) Cao su là loại vật liệu polime có tính đàn hồi.
Số mệnh đề đúng là

A. 3.       B. 4.       C. 6.       D. 5.

**Câu 80:** Cho ba dung dịch chứa các chất A; B; C tham gia vào sơ đồ chuyển hoá sau:



Các chất A; B; C lần lượt là

A. FeCl2; Ba(OH)2; Al.       B. NaOH; Ba(HCO3)2; HCl.

C. CuSO4; KOH; Al.       D. FeSO4; NaOH; (NH4)2CO3.